

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH
CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND /8/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng		
1.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	Lĩnh vực vật liệu xây dựng		
3.	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
III	Lĩnh vực hải quan		
4.	1.011729	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy chuẩn/năm trở lên thuộc nhóm 98.22	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả
I	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy		
1.	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
2.	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
3.	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
4.	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
II	Lĩnh vực hoạt động xây dựng		
5.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.
6.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.